Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-29 15:40:43 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 117/2026/VBHN-NĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Nghị định số 390/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng[1].

---

[1] *Nghị định số 232/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:*
"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;
Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;
Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;
Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng."
Nghị định số 390/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:
"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.[2] Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh vàng, bao gồm: Hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động sản xuất vàng miếng; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng và các hoạt động kinh doanh vàng khác, bao gồm cả hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản và hoạt động phái sinh về vàng.

2. Các quy định của Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động khai thác và tinh luyện vàng của doanh nghiệp khai thác vàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh vàng trên lãnh thổ Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh vàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vàng trang sức, mỹ nghệ là các sản phẩm vàng có hàm lượng từ 8 Kara (tương đương 33,33%) trở lên, đã qua gia công, chế tác để phục vụ nhu cầu trang sức, trang trí mỹ thuật.

2.[3] Vàng miếng là sản phẩm vàng được dập thành miếng, có đóng chữ, số chỉ khối lượng, chất lượng, có ký mã hiệu của doanh nghiệp và ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây được gọi là Ngân hàng Nhà nước) cho phép sản xuất; vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước tổ chức sản xuất trong từng thời kỳ.

3. Vàng nguyên liệu là vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng và các loại vàng khác.

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP."

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

4. Hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản là hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản, dưới hình thức giao dịch ký quỹ và giá trị ròng được định giá lại liên tục theo biến động của giá vàng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý

1. Quyền sở hữu vàng hợp pháp của tổ chức, cá nhân được công nhận và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Nhà nước là cơ quan thay mặt Chính phủ thống nhất quản lý các hoạt động kinh doanh vàng theo quy định tại Nghị định này.

3.[4] ***(được bãi bỏ)***

4.[5] Quản lý hoạt động kinh doanh vàng nhằm phát triển ổn định và bền vững thị trường vàng.

5. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vàng phải tuân thủ các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6.[6] Hoạt động sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng. Hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại sản xuất vàng miếng được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

7.[7] Hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ không phải là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn, đo lường, nhãn hàng hóa, niêm yết giá, hóa đơn, chứng từ, thuế, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phòng, chống rửa tiền và pháp luật khác có liên quan.

8.[8] Hoạt động phái sinh về vàng của các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo Điều 112 Luật Các tổ chức tín dụng.

9. Các hoạt động kinh doanh vàng khác, trừ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng, hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu trong nước của doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và doanh nghiệp kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và các hoạt động quy định tại Khoản 6, 7, 8 Điều này, là hoạt động kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh. Tổ

---

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

chức, cá nhân chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh vàng khác sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép và được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.

10.[9] Việc thanh toán mua, bán vàng có giá trị từ 05 triệu đồng trong ngày trở lên của một khách hàng phải được thực hiện bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.

Chương II
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÀ MUA, BÁN VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

Điều 5.[10] ***(được bãi bỏ)***

Điều 6.[11] ***(được bãi bỏ)***

Điều 7.[12] ***(được bãi bỏ)***

Điều 8.[13] ***(được bãi bỏ)***

Điều 9.[14] ***(được bãi bỏ)***

Chương III
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, MUA, BÁN VÀNG MIẾNG[15]

Điều 10. Quản lý hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

Hoạt động mua, bán vàng miếng của các tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện tại các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 11. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

---

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[11] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[13] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[14] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[15] Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

b) Có vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng trở lên.

c) Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mua, bán vàng từ 2 (hai) năm trở lên.

d) Có số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng từ 500 (năm trăm) triệu đồng/năm trở lên trong 2 (hai) năm liên tiếp gần nhất (có xác nhận của cơ quan thuế).

đ) Có mạng lưới chi nhánh, địa điểm bán hàng tại Việt Nam từ 3 (ba) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

2. Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có vốn điều lệ từ 3.000 (ba nghìn) tỷ đồng trở lên.

b) Có đăng ký hoạt động kinh doanh vàng.

c) Có mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam từ 5 (năm) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

3. Ngân hàng Nhà nước quy định thủ tục và hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng.

Điều 11a. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng[16]

1. Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

b) Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng nhưng đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

d) Có quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm.

2. Ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

b) Có vốn điều lệ từ 50.000 tỷ đồng trở lên;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng nhưng đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi

[16] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

phạm hành chính, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

d) Có quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng.

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức được phép sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng miếng[17]

1. Chỉ được phép sản xuất, kinh doanh mua, bán loại vàng miếng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, lập và sử dụng hóa đơn chứng từ.

3. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều này, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại sản xuất vàng miếng có trách nhiệm:

a) Công bố tiêu chuẩn áp dụng, khối lượng, hàm lượng của sản phẩm theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng sản phẩm đã sản xuất đúng với tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng đã công bố;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về sản phẩm vàng miếng do mình sản xuất, bảo hành sản phẩm vàng miếng cho khách hàng theo quy định pháp luật; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu vàng miếng được sản xuất;

c) Xây dựng hệ thống thông tin xử lý, lưu trữ dữ liệu vàng miếng được sản xuất có những nội dung cơ bản bao gồm thông tin nguyên liệu đầu vào, thời gian sản xuất, sản phẩm đầu ra; thực hiện kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều này, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử và kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Không được phép thực hiện kinh doanh vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm;

c) Có biện pháp và trang thiết bị bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh;

d) Xây dựng quy định nội bộ về mua, bán vàng miếng, trong đó quy định rõ quy trình giao dịch mua, bán vàng miếng với khách hàng; công bố công khai

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

thông tin về quyền và nghĩa vụ của khách hàng trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp hoặc niêm yết công khai tại trụ sở giao dịch; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch mua bán vàng miếng;

đ) Xây dựng hệ thống thông tin xử lý, lưu trữ dữ liệu giao dịch mua bán vàng miếng có những nội dung cơ bản bao gồm thông tin căn cước đối với cá nhân, mã số thuế doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, khối lượng và giá trị giao dịch của bên mua, bán; thực hiện kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG

Điều 13. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ được thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ để tham gia triển lãm, hội chợ quốc tế thực hiện theo quy định của Chính phủ về hội chợ, triển lãm quốc tế.

Điều 14. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng[18]

1. Ngân hàng Nhà nước cấp hạn mức hàng năm và Giấy phép từng lần cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định này để xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng; hạn mức hàng năm và Giấy phép từng lần cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định này để nhập khẩu vàng nguyên liệu.

2. Căn cứ vào mục tiêu chính sách tiền tệ và cung - cầu vàng trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này và cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng theo quy định tại khoản 7 Điều này. Các doanh nghiệp quy định tại các khoản 4, 5, 7 Điều này phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11a Nghị định này.

3. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu của Ngân hàng Nhà nước được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4.[19] Doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ, có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

---

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để thực hiện hợp đồng gia công và xuất khẩu sản phẩm gia công khi nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

5.[20] Hằng năm, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài căn cứ vào năng lực sản xuất, tình hình thực hiện hợp đồng gia công hoặc hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ và báo cáo tình hình xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của năm trước, nếu có, khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ;

b) Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công hoặc hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ.

6. Doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng có nhu cầu nhập khẩu vàng do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp có đăng ký hoạt động khai thác vàng trong Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài hoặc được phân chia sản phẩm theo thỏa thuận khai thác vàng ở nước ngoài.

7. Doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác được khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép khai thác vàng;

b) Vàng nguyên liệu dự kiến xuất khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở trong nước.

8.[21] Việc xuất khẩu, nhập khẩu các loại vàng sau đây được thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, pháp luật về hải quan và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan:

a) Vàng nguyên liệu dưới dạng bột, dung dịch, vẩy hàn, muối vàng, dây, ống và các loại vàng trang sức dưới dạng bán thành phẩm;

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

b) Vàng sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, dụng cụ y tế.

9. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng và thời hạn của Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng.

10. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, được cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Chỉ được phép nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu có hàm lượng từ 99,5% trở lên;

b) Công bố tiêu chuẩn áp dụng, khối lượng, hàm lượng của vàng miếng, vàng nguyên liệu nhập khẩu theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn công bố áp dụng, khối lượng, hàm lượng sản phẩm đã nhập khẩu đúng với tiêu chuẩn, khối lượng, hàm lượng đã công bố;

c) Xây dựng và báo cáo Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ về xuất khẩu, nhập khẩu, biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng;

d) Xây dựng quy định nội bộ về việc bán vàng nguyên liệu đảm bảo công khai, minh bạch; công bố công khai thông tin về việc bán vàng nguyên liệu, quyền và nghĩa vụ của khách hàng; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, giao dịch mua bán vàng nguyên liệu;

đ) Sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu cho các mục đích:

đ.1) Sản xuất vàng miếng;

đ.2) Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;

đ.3) Bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng;

đ.4)[22] Bán cho doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

e)[23] Xây dựng hệ thống thông tin để xử lý, lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, sử dụng, tồn kho vàng nguyên liệu nhập khẩu; dữ liệu giao dịch mua, bán vàng nguyên liệu; thực hiện kết nối, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

g) Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh của cá nhân

---

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[23] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

Người Việt Nam và người nước ngoài khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế được mang theo vàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG

Điều 16. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước[24]

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, kế hoạch về phát triển thị trường vàng theo hướng thị trường hóa.

2. Xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức hàng năm đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định này trên cơ sở:

a) Tình hình kinh tế vĩ mô và mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ;

b) Quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước;

c) Tình hình thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu;

Trên cơ sở tổng hạn mức hàng năm, Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp hạn mức hàng năm cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại; tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu của các năm trước (nếu có) và nhu cầu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cách thức phân bổ hạn mức hàng năm cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

3. Ngân hàng Nhà nước cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi:

a)[25] ***(được bãi bỏ)***

b) Giấy phép sản xuất vàng miếng;

c) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

d) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu;

đ) Giấy phép mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh của cá nhân vượt mức quy định;

e) Giấy phép đối với các hoạt động kinh doanh vàng quy định tại khoản 9 Điều 4 sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép;

g) Hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, quy định tại Điều 11a Nghị định này.

---

[24] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

[25] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

4. Phối hợp cùng các bộ, ngành liên quan để thiết lập hệ thống thông tin, xây dựng, lưu trữ dữ liệu về thị trường vàng, kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan liên quan nhằm tăng tính minh bạch, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý.

5.[26] Ngân hàng Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng đối với hoạt động sản xuất vàng miếng; kinh doanh mua, bán vàng miếng; xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu; việc chấp hành quy định về cấp phép, hạn mức, báo cáo, mua, bán, sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu và hoạt động kinh doanh vàng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định này.

6. Ngân hàng Nhà nước đăng tải trên trang thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước giá mua, giá bán vàng miếng do doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cung cấp.

7. Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương[27]

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng như sau:

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và việc doanh nghiệp kinh doanh vàng chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vàng, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập đối với hoạt động kinh doanh vàng phù hợp trong từng thời kỳ; quy định, hướng dẫn thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng và chia sẻ thông tin dữ liệu về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước để phối hợp thực hiện.

3.[28] Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với vàng trang sức, mỹ nghệ và vàng miếng; kiểm tra và quản lý đo lường, chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ, vàng miếng và vàng nguyên liệu

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[27] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; kiểm định phương tiện đo lường của các doanh nghiệp kinh doanh vàng.

4. Thanh tra Chính phủ thực hiện chức năng thanh tra hoạt động sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Công an phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc đấu tranh, điều tra, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật về kinh doanh vàng theo quy định pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng tại địa phương theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vàng tại địa phương. Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về hoạt động kinh doanh vàng.

Điều 18. Phối hợp liên ngành về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Căn cứ vào yêu cầu thực tế, các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin để phục vụ cho công tác quản lý hoạt động kinh doanh vàng; phối hợp thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

HÀNH VI VI PHẠM

Điều 19. Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng

Hành vi vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh vàng bao gồm:

1.[29] ***(được bãi bỏ)***

2.[30] Hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng không có giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu, xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng không đúng quy định.

3. Mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh của cá nhân vượt mức quy định không có giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp.

4. Sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán.

5. Hoạt động sản xuất vàng miếng trái với quy định tại Nghị định này.

6. Hoạt động kinh doanh vàng khác khi chưa được Thủ tướng Chính phủ cho phép và Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép.

---

[29] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

7. Vi phạm các quy định khác tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[31]

Điều 20. Chế độ báo cáo[32]

Các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại hoạt động kinh doanh vàng phải thực hiện báo cáo tình hình sản xuất, mua, bán vàng miếng; tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng; tình hình mua, bán, sử dụng, tồn kho vàng nguyên liệu nhập khẩu; tình hình thực hiện hợp đồng gia công, hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ đối với trường hợp được cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu; tình hình bán vàng nguyên liệu nhập khẩu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

---

[31] Điều 3 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025 quy định như sau:

"*Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành*

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC (sau đây được gọi là Công ty SJC) được phép gia công lại vàng miếng từ vàng miếng SJC do Công ty SJC đã sản xuất, gia công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, có ít nhất một trong các đặc điểm: bị trầy xước; bị đóng thêm các dấu hiệu, ký hiệu không phải của Công ty SJC. Công ty SJC chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo vàng miếng SJC được gia công là vàng miếng do Công ty SJC đã sản xuất, gia công theo quy định của pháp luật.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Điều 7 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành không còn là điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được giải quyết thì Ngân hàng Nhà nước chấm dứt việc giải quyết và thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Phí, lệ phí đã nộp, nếu có, được xử lý theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

4. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng; Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm; hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu đã được Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc xác định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo nội dung, thời hạn ghi tại giấy phép, hạn mức, trừ trường hợp bị điều chỉnh, thu hồi theo quy định của pháp luật. Việc cấp mới, sửa đổi, bổ sung, gia hạn sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

[32] *Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo* quy định tại Điều 5 của Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Các tổ chức đang hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ phải thực hiện đăng ký kinh doanh lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và hoàn tất thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Các tổ chức đang hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ phải thực hiện đăng ký kinh doanh lại với cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định thời hạn, thủ tục chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng đang kinh doanh mua, bán vàng miếng.

3. Các giấy phép sản xuất vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước cấp hết hiệu lực từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2012 và thay thế Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn